

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0650 3768 780

Fax: 0650 3766 149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ HOA LÀI “QUÁ THẦN KỲ”**

2. Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà hoa lái (6 g/l), lá trà xanh, hương liệu (lài, trà xanh) giống tự nhiên, chất chống oxy hóa (300, 316), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), chất ổn định (452(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/ tháng/ ngày).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:
 - + Đóng hộp với thể tích thực ở 20 °C: 250 ml hay theo nhu cầu của thị trường.
 - + Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 6 L (24 hộp x 250 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
- Chất liệu bao bì: Tetra pak. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: ZHANGZHOU TON YI INDUSTRIAL CO., LTD

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: 17-NGK/TBCBD/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



DAI, ZHILIN





NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

TRÀ HOA LÀI “QUÁ THẦN KỲ”

Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà hoa lái (6 g/l), lá trà xanh, hương liệu (lài, trà xanh) giống tự nhiên, chất chống oxy hóa (300, 316), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), chất ổn định (452(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:

Năng lượng: 15 kcal

Carbohydrat: 3,7 g

Đường tổng số: 3,4 g

Natri: ≤ 31 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 250 ml

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem phía trên đỉnh hộp (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay. Nếu thấy có cặn lắng, là thành phần trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhà sản xuất: ZhangZhou Ton Yi Industrial Co., Ltd

Địa chỉ: No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương
Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Điện thoại: 0650 3768 780 - Fax: 0650 3766 149

Thông tin cảnh báo: Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

Tự công bố số: 17-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

Handwritten signature

TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-194753

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECHO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường An Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Report Issued: 02-Aug-2025

MNAQ Reference: 25-194753

Sample(s) Received: 17-Jul-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 18-Jul-2025 to 02-Aug-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: **TRÀ HOA LÀI “QUÁ THẦN KỲ”**

Lab ID: 25-194753-1

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in box/ Mẫu đựng trong hộp

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ Total aerobic plate count	<1	cfu/mL	AOAC 990.12
Clostridium Perfringens	<1	cfu/mL	ISO 15213-2:2023
Coliforms	<1	cfu/mL	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
E.coli	<1	cfu/mL	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008)
Streptococci faecal	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-059:2024 (Ref. ISO 7899-2: 2000)
Pseudomonas aeruginosa	<1	cfu/mL	FLAB-FM-MTHD-060:2024 (Ref. ISO 16266: 2006)
Staphylococcus aureus	<1	cfu/mL	AOAC 975.55
Tổng số Nấm men & nấm mốc/ Total Yeasts and Moulds	<1	cfu/mL	ISO 21527-1:2008 (TCVN 8275-1:2010)
Chất béo/ Total Fat	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.1)	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Chất đạm/ Protein	<LOQ=0.3	g/100mL	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Năng lượng/ Energy	15	kcal/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate (excluding dietary fiber)	3.66	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

Report No./ Số báo cáo: 25-194753

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Đường tổng số/ Total sugars	3.43	g/100mL	FLAB-FC-MTHD-060: 2023 (Ref. TCVN 4594:1988)
Chì/ Lead (Pb)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/L	AOAC 2013.06
Natri/ Sodium (Na)	20.6	mg/100 mL	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỆP



Sản phẩm của Uni-President
Bảo đảm chất lượng sản phẩm

BẢN DỊCH

Uni-President

Trà hoa lài
Quá thần kỳ

Đánh thức vị giác của bạn

Thức uống trà hương vị khác

Thể tích thực: 250 ml

Hương hoa lài thanh mát, đánh thức vị giác của bạn!

Tên sản phẩm: Trà hoa lài “Quá thần kỳ” (Thức uống trà hương vị khác)

Thành phần: Nước, đường HFCS, lá trà hoa lài (≥ 6 g/l), lá trà xanh, vitamin C, natri hydro carbonat, natri erythorbat, natri polyphosphat, sucralose, hương liệu thực phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng

Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: xem phía trên đỉnh hộp

Mã tiêu chuẩn sản phẩm: GB/T 21733

Vui lòng bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm này không nên để ngăn đông lạnh. Ngon hơn khi uống lạnh.

Sau khi mở, vui lòng sử dụng ngay.

Nếu thấy có cặn lắng, là thành phần trà, vui lòng lắc đều trước khi uống.

Nếu thấy bao bì bị trương phồng, vui lòng không sử dụng.

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Hạng mục	Mỗi 100ml	NRV%
Năng lượng	66 kJ	1 %
Protein	0 g	0 %
Chất béo	0 g	0 %
Carbohydrat	3.9 g	1 %
Natri	22 mg	1 %

清香茉莉味,
放纵你的味蕾!



品名: 太魔性茉莉花茶 (其他调味茶饮料)

配料: 水、果葡糖浆、茉莉花茶茶叶 (26克/升)、绿茶茶叶、维生素C、碳酸氢钠、D-异抗坏血酸钠、六偏磷酸钠、蔗糖素、食用香精

保质期: 12个月

生产日期及制造商代码: 标于盒顶

产品标准代号: GB/T 21733

请置于阴凉干燥无异味处, 避免阳光日晒!

本品不宜冷冻, 冷藏后饮用风味更佳。开启后请及时饮用。

若包中有沉淀物, 为茶成分, 请搅拌均匀后饮用。

如发现胀包, 请勿饮用!

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	66千焦	1%
蛋白质	0克	0%
脂肪	0克	0%
碳水化合物	3.9克	1%
钠	22毫克	1%

南宁统一企业有限公司 制造(代码: NN)
 地址: 南宁市东盟经济开发区武华大道29号 邮政编码: 530105
 产地: 广西南宁市 食品生产许可证编号: SC10645011200061
 广州统一企业有限公司 制造(代码: GZ)
 地址: 广州市黄埔区南岗镇康南路788号 邮政编码: 510760
 产地: 广东省广州市 食品生产许可证编号: SC10544011200048
 委托方: 统一企业(中国)投资有限公司 地址: 上海市长宁区临虹路131号101室 邮政编码: 200335
 被委托方1: 漳州统一包装有限公司 制造(代码: ZT)
 地址: 福建省漳州台商投资区角美镇杨厝村丁厝239号
 邮政编码: 363107 产地: 福建省漳州市 食品生产许可证编号: SC10635060600113
 被委托方2: 北京统一饮品有限公司 制造(代码: BJ)
 地址: 北京市怀柔区怀柔镇大富乐工业小区C栋
 邮政编码: 101400 产地: 北京市怀柔区 食品生产许可证编号: SC10611160312557
 被委托方3: 昆山统一企业有限公司 制造(代码: KS)
 地址: 江苏省昆山经济技术开发区青阳南路301号
 邮政编码: 215300 产地: 江苏省苏州市 食品生产许可证编号: SC10632058300440
 被委托方4: 四川统一企业有限公司 制造(代码: CD)
 地址: 四川省成都市温江区成都海峡两岸科技产业开发园蓉台大道北段18号附1号 邮政编码: 611137 产地: 四川省成都市
 食品生产许可证编号: SC10651011500027
 消费者服务热线: 400 700 0660
 料号: 2321778 2020/2020



本产品条码注册人为 统一企业(中国)投资有限公司

Nanning President Enterprises Co., Ltd.
 Địa chỉ sản xuất (Mã: NN): Số 29, Đại lộ Vũ Hoa, Khu phát triển kinh tế ASEAN, Thành phố Nam Ninh (No. 29, Wuhua Avenue, ASEAN Economic Development Zone, Nanning City)
 Mã bưu chính: 530105
 Nơi xuất xứ: Thành phố Nam Ninh, Quảng Tây
 Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10645011200061

Guangzhou President Enterprises Corp.
 Địa chỉ sản xuất (Mã: GZ): Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City)
 Mã bưu chính: 510760
 Nơi xuất xứ: Thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông
 Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10544011200048

Bên ủy thác: Uni-President Enterprises (China) Investment Ltd.
 Địa chỉ: Phòng 101, số 131 đường Lâm Hồng, khu Trường Ninh, thành phố Thượng Hải (No.131, Linhong Rd, Shanghai Hongqiao LinKong Economic Zone, Changning District, Shanghai City)
 Mã bưu chính: 200335

Bên được ủy thác 1: ZhangZhou Ton Yi Industrial Co., Ltd.
 Địa chỉ sản xuất (Mã: ZT): Số 239 Đình Thố, thôn Dương Thố, thị trấn Giác Mỹ, khu đầu tư Đài Thương Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (No. 239, Dingcuo, Yangcuo Village, Jiaomei Town, Zhangzhou Taiwanese Investment Zone, Fujian Province, P.R.China)
 Mã bưu chính: 363107
 Nơi xuất xứ: Thành phố Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến
 Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10635060600113

Bên được ủy thác 2: Beijing President Enterprises Drinks Co., Ltd. sản xuất (Mã BJ)
 Địa chỉ: Tòa nhà C, Tiểu khu công nghiệp Đại Trung Phú Lạc, Thị trấn Hoài Nhu, Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh (Building C, Dazhongfule Industrial Zone, Huairou Town, Huairou District, Beijing City)
 Mã bưu chính: 101400
 Nơi xuất xứ: Quận Hoài Nhu, Thành phố Bắc Kinh
 Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10611160312557

Bên được ủy thác 3: Kunshan Tongshi Enterprise Co., Ltd. sản xuất (Mã KS)
 Địa chỉ: Số 301, đường Thanh Dương Nam, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Côn Sơn, tỉnh Giang Tô (No. 301, Qingyang South Road, Kunshan Economic and Technological Development Zone, Jiangsu Province)
 Mã bưu chính: 215300

BẢN DỊCH

Nơi xuất xứ: Thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10632058300440

Bên được ủy thác 4: Sichuan Tongshi Enterprise Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất (Mã: CD): Số 1/18, đoạn bắc đại lộ Dung
Đài, Khu phát triển công nghiệp khoa học công nghệ hai bờ
eo biển Đài Loan - Thành Đô, quận Ôn Giang, thành phố
Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên (No. 18, North Section of
Rongtai Avenue, Taiwan – Chengdu Cross-Strait Science
and Technology Industrial Development Park, Wenjiang
District, Chengdu City, Sichuan Province
Mã bưu chính: 611137

Nơi xuất xứ: Thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên
Giấy phép sản xuất thực phẩm số: SC10651011500027

- Đường dây nóng dịch vụ người tiêu dùng: 4007000660
- Mã liệu: 2321778 2020/2020
Người đăng ký mã vạch sản phẩm này là Uni President
Enterprises (China) Investment Ltd.

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC DAI ZHI LIN

Đã ký và đóng dấu

H.Đ
VĂN
CÔNG
ÂN QU
DINH

11

1

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: 001190001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ **tiếng Trung sang tiếng Việt**.

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI DỊCH

ll

Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 (Ngày hai mươi ba, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng công chứng Trần Quang Sang, TP Hà Nội.

Tôi **Nguyễn Văn Thu**, là công chứng viên Văn phòng công chứng Trần Quang Sang,
TP Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông/bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực 438

; Quyển số 01 – SCT/CKND

Ngày 23 tháng 07 năm 2025

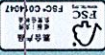
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Thu

NS
STF
HEF
饮管

生产日期
年 月 日



魔性
纵你的味蕾
茉莉花茶



太魔性
~放纵你的味蕾
茉莉花茶



清香茉莉味，
放纵你的味蕾！

品名：太魔性茉莉茶（茉莉花茶饮料）
配料：水、果糖、茉莉花茶汁、柠檬汁、维生素C、维生素E、D-异抗坏血酸钠、六偏磷酸钠、食用香精
保质期：12个月
生产日期及制造日期：见产品背面
产品标准号：GB/T21733
净含量：250毫升
本品不含防腐剂，开罐后请即饮用，开罐后请及时饮用。
本品中不含防腐剂，开罐后请及时饮用。
如或变质，请勿饮用！

营养成分表

项目	每100毫升	营养素参考值%
能量	66千焦	1%
蛋白质	0.2克	0%
脂肪	0.2克	0%
碳水化合物	3.95克	1%
钠	22毫克	1%

饮料 净含量:250毫升



其他调味茶饮料 净含量:250毫升



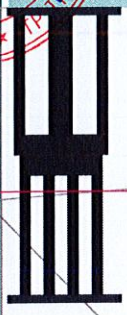
南京统一企业有限公司 制造代码: NI
地址: 南京市建邺区河西大街22号 邮编: 210015
产地: 广西南宁市 食品生产许可证: SC10645011200161
广州统一企业有限公司 制造代码: GZ
地址: 广州市天河区黄埔大道西288号 邮编: 510660
产地: 广东省广州市 食品生产许可证: SC10544011200408
统一(上海)企业投资有限公司 制造代码: SH
地址: 上海市浦东新区川沙新镇 邮编: 201335
统一(天津)企业投资有限公司 制造代码: TJ
地址: 天津市滨海新区汉沽街道 邮编: 301500
统一(北京)企业投资有限公司 制造代码: BJ
地址: 北京市昌平区回龙观镇 邮编: 101400
统一(江苏)企业投资有限公司 制造代码: JS
地址: 江苏省苏州市工业园区 邮编: 215000
统一(浙江)企业投资有限公司 制造代码: ZJ
地址: 浙江省杭州市滨江区 邮编: 311137
统一(四川)企业投资有限公司 制造代码: SC
地址: 四川省成都市高新区 邮编: 610017
统一(重庆)企业投资有限公司 制造代码: CQ
地址: 重庆市南岸区 邮编: 401332
统一(湖北)企业投资有限公司 制造代码: HB
地址: 湖北省武汉市 邮编: 430070
统一(湖南)企业投资有限公司 制造代码: HN
地址: 湖南省长沙市 邮编: 410013
统一(广东)企业投资有限公司 制造代码: GD
地址: 广东省广州市 邮编: 510660
统一(广西)企业投资有限公司 制造代码: GX
地址: 广西南宁市 邮编: 530015
统一(云南)企业投资有限公司 制造代码: YN
地址: 云南省昆明市 邮编: 650011
统一(贵州)企业投资有限公司 制造代码: GZ
地址: 贵州省贵阳市 邮编: 550001
统一(陕西)企业投资有限公司 制造代码: SH
地址: 陕西省西安市 邮编: 710001
统一(甘肃)企业投资有限公司 制造代码: GS
地址: 甘肃省兰州市 邮编: 730001
统一(宁夏)企业投资有限公司 制造代码: NX
地址: 宁夏回族自治区银川市 邮编: 750001
统一(青海)企业投资有限公司 制造代码: QH
地址: 青海省西宁市 邮编: 810001
统一(新疆)企业投资有限公司 制造代码: XJ
地址: 新疆维吾尔自治区乌鲁木齐市 邮编: 830001



6 925303 758899

本产品经国家质量监督检验检疫总局注册，为统一企业(中国)投资有限公司。

其他调味茶饮料



DAI, ZHILIN

